

Vận dụng các kiến thức về giáo dục môi trường để xây dựng các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho học sinh Tiểu học nhằm giúp các em nâng cao hiểu biết về môi trường, xác định được thái độ và lối sống tích cực đối với môi trường, từ đó hình thành các hành vi tốt và kỹ năng giải quyết những vấn đề môi trường nơi mình sinh sống và học tập.

2.2.3. Về thái độ

Thái độ đúng đắn trong việc tiếp nhận các kiến thức và phát triển kỹ năng về môi trường và giáo dục môi trường để phục vụ công việc chuyên môn.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Trình bày được các kiến thức chung về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, sự tác động của con người đối với môi trường, một số vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững
CLO2	Trình bày các kiến thức cơ bản về lịch sử giáo dục môi trường; phương pháp tiếp cận, nội dung giáo dục môi trường; luật bảo vệ môi trường
CLO3	Phân tích các bảng số liệu; tìm ra mối quan hệ nhân quả về vấn đề môi trường và phát triển bền vững; phát hiện và giải quyết vấn đề về môi trường trong thực tiễn.
CLO4	Vận dụng các kiến thức về môi trường và phát triển bền vững để tích hợp giáo dục môi trường trong các môn học ở Tiểu học.
CLO5	Vận dụng các kiến thức về giáo dục môi trường để xây dựng các hoạt động giáo dục cho học sinh Tiểu học nhằm giúp các em nâng cao hiểu biết về môi trường, xác định được thái độ và lối sống tích cực đối với môi trường, từ đó hình thành các hành vi tốt và kỹ năng giải quyết những vấn đề môi trường nơi mình sinh sống và học tập.
CLO6	Tham gia tích cực giờ giảng và các bài tập nhằm tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên môn

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CLO 1	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
CLO 2	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
CLO 3	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
CLO 4	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
CLO 5	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
CLO 6	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R
Tổng hợp HP	I	M	I	R	R	I	R	I	R	R	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%	- Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	100%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	40%	A2.1. Tuần 6: Biến đổi khí hậu toàn cầu? Nguyên nhân? Hậu quả? Vấn đề ứng phó?	50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Đáp ứng đáp án, thang điểm
		A2.2. Tuần 14: Tại sao phải đưa giáo dục môi trường vào nhà trường? Hình thức tổ chức và phương pháp pháp giáo dục môi trường phù hợp?	50%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường? Hậu quả và các giải pháp khắc phục? Giải thích các hiện tượng mưa axit, thủng tầng ôzôn, biến đổi khí hậu toàn cầu. Nguyên nhân và hậu quả? Giáo dục môi trường thông qua dạy học tích hợp.	100%	x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Đáp ứng đáp án, thang điểm

		Giáo dục môi trường bằng hình thức ngoại khoá.				
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (2 tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CĐR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Các kiến thức chung về môi trường 1.1. Giới thiệu chung về môi trường 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Các thành phần cơ bản của môi trường	2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về môi trường	CLO1 CLO6	PP thuyết trình, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
2	1.2. Tài nguyên thiên nhiên 1.2.1. Khái niệm và phân loại 1.2.2. Các loại tài nguyên thiên nhiên	2	Trình bày được khái niệm TNTN, phân loại và các loại TNTN	CLO1 CLO6	PP thuyết trình, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
3	1.3. Sự tác động của con người đối với môi trường 1.3.1. Lịch sử tác động của con người đến môi trường	2	Trình bày được lịch sử tác động của con người đến môi trường	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	

4	Thảo luận về sự tác động của con người đối với môi trường	2	Trình bày được mối quan hệ của con người đối với môi trường và ngược lại	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
5	1.3.2. Ô nhiễm môi trường	2	Trình bày được khái niệm ô nhiễm môi trường, nguyên nhân, hiện trạng và hậu quả ô nhiễm môi trường	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
6	1.3.3. Biến đổi khí hậu toàn cầu	2	Trình bày được khái niệm biến đổi khí hậu toàn cầu, biểu hiện,	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, thảo luận, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài kiểm tra theo yêu cầu.	A2.1
7	1.4. Một số vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững 1.4.1. Dân số	2	Trình bày được một số vấn đề về mối quan hệ môi trường và phát triển bền vững	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
8	1.4.2. Lương thực và thực phẩm	2	Trình bày được các vấn đề về an ninh lương thực	CLO1 CLO3 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
9	1.4.3. Năng lượng	2	Trình bày được nội dung cơ	CLO1 CLO3 CLO6	- PP đàm thoại gợi mở, nêu	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước	

	1.4.4. Phát triển bền vững		bản về năng lượng, hiện trạng khai thác và sử dụng năng lượng. Các vấn đề về phát triển bền vững		vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
10	Chương 2. Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học 2.1. Lịch sử và phương pháp tiếp cận giáo dục môi trường ở Tiểu học	2	Trình bày được lịch sử và phương pháp tiếp cận giáo dục môi trường ở Tiểu học	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
11	2.2. Nội dung giáo dục môi trường	2	Trình bày được các nội dung về giáo dục môi trường	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
12	2.2. Nội dung giáo dục môi trường (tt)	2	Trình bày được các nội dung về giáo dục môi trường	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
13	2.3 Hình thức giáo dục môi trường ở Tiểu học	2	Trình bày được các hình thức về giáo dục môi trường	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PP thảo luận	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) Hoạt động trên lớp: thực hành tập giảng theo nhóm, lấy điểm kiểm tra	
14	2.4. Phương pháp giáo dục môi trường ở Tiểu học	2	Trình bày được các phương pháp giáo	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề,	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])	A.2.2

			dục môi trường	CLO6	sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Hoạt động trên lớp: Làm bài kiểm tra theo yêu cầu của GV	
15	2.5. Luật Bảo vệ môi trường	2	Trình bày được hiểu biết khái quát về Luật Bảo vệ môi trường	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PP đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tài liệu, máy chiếu projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kỳ	-		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV giao nội dung và hướng dẫn ôn tập	Làm báo cáo * Hoặc Viết Hoặc Tiểu luận Hoặc Vấn đáp	A3

(*) Ghi chú:

Tùy điều kiện thực tế, giảng viên có thể tổ chức ngoại khóa cho sinh viên về giáo dục môi trường tại địa phương.

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

T T	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Nguyễn Thị Thanh Nhân và Nguyễn Hữu Duy Viễn	2021	Giáo dục môi trường cho học sinh Tiểu học	Trường Đại học Quảng Bình
	Lê Văn Trường và Nguyễn Kim Tiên (đồng chủ biên)	2006	Giáo dục môi trường (Tài liệu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên Tiểu học)	Nxb Giáo dục, Hà Nội
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Chương trình phát triển Liên hợp quốc & DANIDA	2004	Thiết kế mẫu một số mô đun giáo dục môi trường (Dành cho các lớp tập huấn)	Bộ Giáo dục và đào tạo, Hà Nội
3	Chương trình phát triển Liên hợp quốc & DANIDA	2004	Thiết kế mẫu một số mô đun giáo dục môi trường ở trường phổ thông	Bộ Giáo dục và đào tạo, Hà Nội
4	Nguyễn Đình Hòa	2007	Môi trường và phát triển bền vững	Nxb Giáo dục, Hà Nội
5	Trung tâm con người và thiên nhiên	2006	Giáo dục môi trường trải nghiệm (lý thuyết	

			và thực hành cho giáo viên)	
6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Tài liệu tập huấn phòng chống thiên tai và giảm thiểu rủi ro (Tài liệu tập huấn giáo viên)	Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	01	Chương 1, 2

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giống nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả	80%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		trọng tâm của câu hỏi.	trong các câu trả lời.	hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

**KT. Trưởng bộ môn
Phó Trưởng bộ môn**

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thành Chung

ThS. Nguyễn Hữu Duy Viễn

ThS. Cao Thị Thanh Thủy